



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)
SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No. 32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 08 37817289 Fax: 08 37817375

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, Công ty môi giới Hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers Co., Ltd.) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android _ Công cụ hữu ích cho khách hàng trong lĩnh vực mua-bán tàu biển và thông tin thị trường.

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 10/ 2018

06/03/2018-13/03/2018

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô handysize trẻ, đã 2 tuần trôi qua mà không có giao dịch nào kể từ khi tàu Sea Harmony (28,409 dwt, 2005 Nhật) bán với giá usd 6,7 triệu đôla Mỹ (tàu này tình trạng kém và phải lên đà ngay trong tháng 3/2018 nên giá mềm). Nguyên nhân là người mua thận trọng do sợ giá giảm trong khi người bán vẫn tin tưởng thị trường sẽ vẫn tốt trong những tháng tới nên không muốn giảm giá. Một nguyên nhân khác là có tương đối ít tàu handysize được chủ tàu Nhật chào bán trong thời điểm này. Ở mảng tàu hàng khô handysize, tuần này chủ tàu Trung Quốc bán tàu Len Chen No.1 (28,412 dwt, 1998 Nhật), chờ gỡ được, hạn SS tháng 5/2018 với giá 4,2 triệu đôla Mỹ. Mức giá này tương đối mềm trong thời điểm hiện nay.

Ở mảng tàu bách hóa tình hình cũng tương tự, người mua thì ngày càng nhiều nhưng số lượng tàu càng ngày càng ít, chủ tàu tăng giá hoặc giữ giá đàm phán không giảm. Tàu chào bán ra từ thị trường Nhật giảm hẳn rõ rệt.

Ở thị trường tàu dầu, đối với phân khúc tàu chở dầu thành phẩm, với cuộc thị trường đang ở mức ổn định trong thời gian qua là nguyên nhân khiến cho thị trường mua bán đang trở nên khá sôi động, đặc biệt là phân khúc tàu MR. Đơn cử, tàu Pacific Rainbow (45,986 dwt, 2006 Nhật) đã được chủ tàu NYK bán thành công cho người mua Hy Lạp với giá dao động quanh mức 16,1 triệu đôla Mỹ. Bên cạnh đó, Empire Navigation cũng đã ký kết bán tàu Phoenix (50,546 dwt, 2006 Hàn Quốc) với giá 15 triệu đôla Mỹ. Đối với tàu đóng tại Trung Quốc, ghi nhận tàu Zhongji No.1 (45,719 dwt, 2008) đã được giao dịch bán cho người mua Wilmar với giá 10,65 triệu đôla Mỹ theo hình thức đấu thầu.

Danh sách tàu được ghi nhận bán trong tuần qua:

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Buyers	Price m.usd	Comment
BULKERS						
Alam Penting	2005	Korea	87,052	European	13.50	
Eleftheria	2001	Korea	76,099	Far Eastern	9.80	
Myrmidon	1997	Korea	73,317	Undisclosed	7.20	
Resale	2018	China	64,000	Eddie Steamship	23.30	

Em Amber	2010	China	58,018	Undisclosed	12.00	The current sellers paid usd 8.7m in Nov 2016
Em Coral	2010	China	58,018	Undisclosed	12.00	The current sellers paid usd 8.7m in Nov 2016
Nandini	2007	Japan	56,071	Indian	12.00	IR class
Darya Vishnu	2006	Japan	56,056	European	13.25	
African Puffin	2014	Japan	55,863	Undisclosed	20.00	
Navios Herakles	2001	Japan	52,061	Chinese	8.20	
Saturnus	2008	Indonesia	50,292	Norwerian, Lighthouse Shipholding	12.00	
Serpentine	2008	Indonesia	50,292	Norwerian, Lighthouse Shipholding	12.00	
Eugenia B	1998	Japan	46,750	Middle Eastern	5.75	
Len Chen No.1	1998	Japan	28,412	Undisclosed	4.10	The curent sellers bought vls as ZINI for usd2.8m in Jan 2016, SS/DD due May 2018
TANKERS						
Phoenix	2006	Korea	50,546	Undisclosed	15.00	
Pacific Rainbow	2008	Japan	45,986	Greeks	16.10	Epoxy coated
Zhongji No 1	2008	China	45,719	Wilmar	10.65	Chemical IMO II/III, epoxy coated
Concord	1998	Japan	10,300	Undisclosed	5.80	Stainless steel, chemical IMO II/III, SS due Jun 2018
CONTAINERS						
Hermann Hesse	2007	China	23,716	Seacon	9.40	CR2x45T, 1,740 teu, SS Feb 2022, DD Feb 2020, Germany owner
Hansa Ronneburg	2004	China	23,479	Undisclosed	8.50	1,740 teu, gearless, Germany owner
Tasman Strait	2008	China	22,314	Tufton Oceanic	10.10	1,713 teu, CR2x40T, SS/DD May 2018, Germany owner
OTHERS						
No sale reported						

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần qua:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Nmax	208,000 dwt	47.00	5	Yangzijiang	China Development Bank Financial Leasing	2020	
LNG	180,000 cbm	184.00	1	Sansung	Cardiff Gas	2020	
LNG	156,000 cbm	184.00	1	Sansung	Cardiff Gas	2020	
Cruise	47,000 gt	Undisclosed	1	Fincantieri	Viking Cruise	202-2027	

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1 Thị trường thuê tàu hàng khô:

Thị trường **panamax** tuần vừa qua với các giao dịch diễn ra sôi nổi hơn. Mức cước thuê định hạn tiếp tục tăng và chốt tuần tại điểm \$12,960, tăng so với mức chốt tuần trước \$12,038. Ở Đại Tây Dương, tàu *Artvin* (82,231 dwt, 2011) được Norden thuê nhận tàu ở Trombetas cho chuyến khởi hành gấp và trả tàu tại Stade với mức cước hàng ngày là \$14,000 cộng \$100,000 phí thưởng ballast. Louis Dreyfus thuê tàu *Globe Electra* (80,000 dwt, 2010) nhận tàu tại East Coast South America cho chuyến hàng đến khu vực Skaw –Cape Passero với cước thuê \$17,000. Ở Thái Bình Dương, K Line thuê tàu *Pedhoulas Trader* (82,214 dwt, 2006) nhận tàu ở CJK cho chuyến hàng đến Australia và trả tàu tại Malaysia với mức phí khoảng \$13,250. K Line đồng thời thuê tàu *Skyros* (79,366 dwt, 2011) nhận tàu ở Tianjin cho chuyến hàng qua North Pacific và trả tàu tại khu vực Singapore-Nhật với cước thuê \$11,750. Về chuyến một chiều, ADMI thuê tàu *RGL First* (82,215 dwt, 2017) nhận tàu ở East Coast Sout America cho chuyến hàng trả tàu ở khu vực Singapore – Nhật với mức cước \$16,250 cộng thêm phí thưởng ballast \$675,000. Tàu *An Ho* (77,834 dwt, 2004) được thuê nhận tàu ở Santos cho chuyến hàng trả tàu ở khu vực Singapore – Nhật với mức phí thuê \$15,250 cộng \$525,000 phí thưởng ballast. Về chuyến thuê định hạn, PCL thuê tàu *ABY Jeanette* (82,566 dwt, 2014) nhận tàu ở Fangcheng cho 4/6 tháng hoạt động và trả tàu ở nơi bất kì với mức cước là \$14,850.

Thị trường **supramax** tiếp tục tăng theo hướng tích cực, chốt tuần tại mức \$11,663, tăng so với mức tuần rồi \$11,381. Thị trường size tàu handy cũng leo dốc và chốt tuần tại mức \$8,991, tăng so với mức của tuần trước là \$8,613. Thị trường US Gulf ở Đại Tây Dương vẫn biểu hiện khá tích cực ở cả 2 size. Oldendorff ghi nhận tàu *Ilia* (58,018 dwt, 2009) được thuê chở petcoke nhận tàu tại Texas Gulf và trả tàu tại Trung Quốc với mức cước \$22,600. Ở Mediterranean, tàu *LMZ Vega* (56,180 dwt, 2010) được thuê khởi hành gấp, nhận tàu ở Canakkale cho chuyến hàng qua Black Sea và trả tàu ở Egypt Med với mức phí \$11,000. PGSC thuê tàu *Warisa Naree* (53,840 dwt, 2010) nhận tàu ở Canakkale cho chuyến khởi hành gấp qua Black Sê và trả tàu ở khu vực Singapore-Nhật với mức cước \$17,000. Về thị trường size tàu nhỏ hơn có rất ít báo cáo ghi nhận hoạt động giao dịch thuê tàu. Unicargo thuê tàu *Dino* (33,371 dwt, 2009) nhận tàu ở Rotterdam cho chuyến khởi hành gấp đến West Africa với mức phí thuê là \$13,250. Tàu *Voge Mia* (36,866 dwt, 2011) được thuê nhận tàu tại Nouakchott cho chuyến khởi hành gấp qua North Brazil và trả tàu ở Nhật với mức cước \$12,500. Tỷ lệ cước tiếp tục giảm ở thị trường East Coast Stouth America với rất ít hàng. Khuyến khích các dấu hiệu đi lên của thị trường Thái Bình Dương về size tàu nhỏ này với các báo cáo vòng quanh NoPac và phía Nam. Ở Thái Bình Dương, tàu *Angel B* (58,679 dwt, 2008) được thuê nhận tàu ở Singapore và trả tàu ở Pakistan tại mức cước \$13,000. Multimax thuê tàu *Ocean Prelate* (52,433 dwt, 2002) nhận tàu ở Richards Bay và trả tàu ở Pakistan với mức cước \$12,200 cộng thêm phí thưởng ballast \$220,000. MUR thuê tàu *Maine Ehime* (58,105 dwt, 2012) nhận tàu ở cảng Elizaberth cho chuyến hàng gấp trả ở khu vực Singapore-Nhật với cước thuê \$13,000 cộng phí thưởng ballast \$300,000. Ở thị trường size nhỏ hơn, tàu *Poavosa Wisdom III* (28,232 dwt, 2011) được thuê chở gymsum nhận tàu ở Onsan cho chuyến hàng khởi hành gấp và trả tàu ở Philippines với mức cước là \$10,000. Về chuyến thuê định hạn, Oldendorff thuê 2 tàu *Apogee Wonder* (38,186 dwt, 2012) nhận tàu ở Singapore cho 5-8 tháng hoạt động và trả tàu ở khu vực bất kì với cước phí \$10,500 và tàu *Genius SW* (60,155 dwt, 2015) nhận tàu ở Haldia cho 3-6 tháng kinh doanh và trả tàu ở khu vực bất kì với cước phí \$13,000.

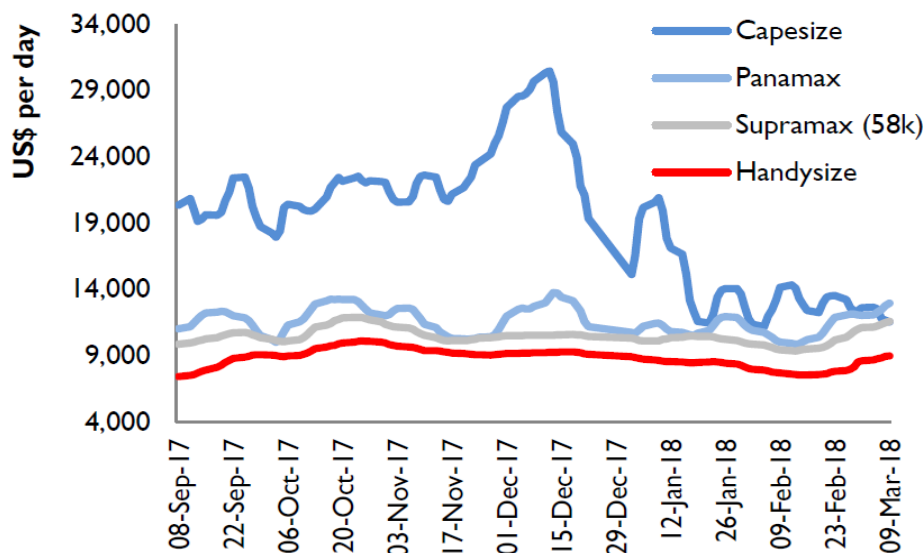
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong tuần 10 vừa qua:

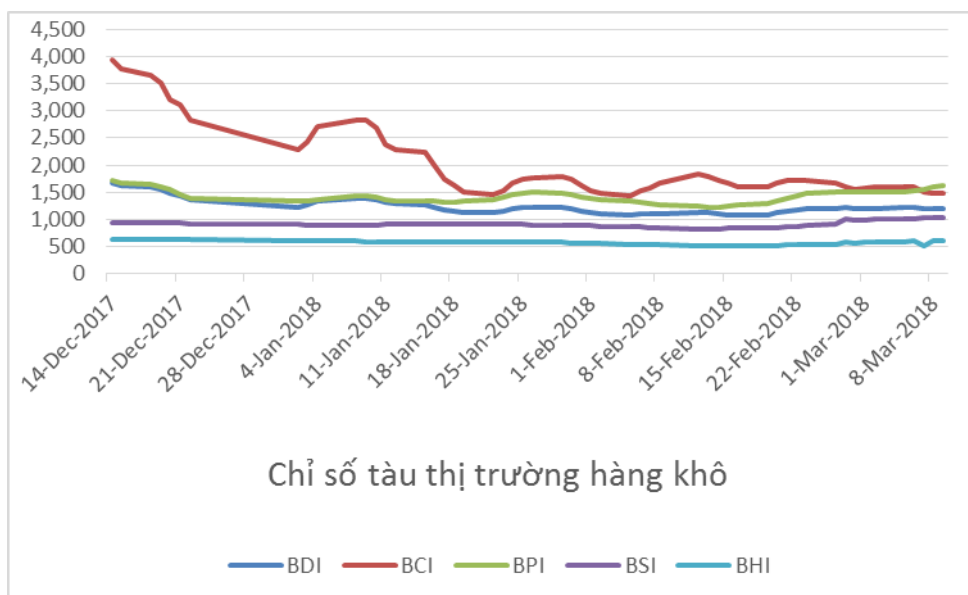
RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 10	TUẦN 09	Mức thấp nhất năm 2018 (cập nhật tới tuần 10)	Mức cao nhất năm 2018 (cập nhật tới tuần 10)
TRANSATLANTIC RV	13,250	13,250	10,500	12,750
TCT CONT/F.EAST	19,000	19,000	17,250	19,500
TCT F.EAST/CONT	5,000	4,900	4,500	4,750
TCT F.EAST RV	12,750	11,500	9,250	10,750
RATES/SUPRAMAXSIZE (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	14,000	13,500	14,600	16,000
PACIFIC RV	11,000	9,900	8,000	9,750
TCT CONT/F.EAST	19,500	19,500	16,000	19,500

GIÁ THUÊ TÀU HÀNG KHÔ NGÀY 05/03/2018

	US\$/ngày	▼ / ▼ ▲	
CAPE SIZE	12,651	▲	389
PANAMAX	12,055	▲	1,673
SUPRAMAX	11,403	▲	1,760
SMALL HANDY	8,675	▲	1,102

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)





3.2 Thị trường thuê tàu hàng lỏng:

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU VLCC:

Theo đánh giá, thị trường tàu VLCC đã có một số chuyển biến so với tuần trước đó. Đơn cử, nhu cầu hàng hóa đang tăng lên trên hầu hết tất cả các tuyến chính. Tuy nhiên, nguồn cung tàu trên thị trường đang ở mức khá cao, do đó cước thị trường tiếp tục theo xu hướng giảm xuống.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2018	High 2018
MEG/West	VLCC	16.5	17.5	16.5	23.5
MEG/Japan	VLCC	35.0	37.5	35.0	50.0
MEG/Singapore	VLCC	35.5	38.0	35.5	51.0
WAFR/EAST	260,000	37.5	40.0	37.5	48.5

WS

- Cước thuê tàu định hạn:

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2018	Low 2018
1 year	VLCC	23,500	23,500	27,500	23,500

US\$

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU AFRAMAX:

Nhìn chung, cước tàu Aframax tại hai thị trường Nsea và Baltic không có nhiều biến động được diễn ra trong tuần vừa qua. Mặc dù các kế hoạch hàng hóa trong tuần thứ 3 của tháng đã được bắt đầu và sự tri hoãn do băng tuyết đang diễn ra tại khu vực Nsea cũng không gây tác động tích cực lên xu hướng thị trường hiện tại. Cùng với đó, cước tại hai khu vực Med và Bsea cũng đang ở mức chạm đáy do nguồn cung tàu sẵn có tăng quá cao so với nhu cầu thị trường. Chính vì thế, người thuê có nhiều cơ hội để giảm cước xuống mức mong muốn.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2018	High 2018
N.Afr/Euromed	80,000	80.0	95.0	80.0	110.0
UK/Cont	80,000	100.0	100.0	90.0	107.5
Caribs/USG	70,000	90.0	107.5	80.0	132.5

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2018	Low 2018
1 year	Aframax	13,500	13,500	15,000	13,500

- Một số giao dịch trên thị trường:
(For Clean LR1; LR2)

Vessel	Cargoes	Laycan	Routes	Rate	Charterers
GULF COAST	60 CPP	19/03	SKO/OZ	W119	VITOL
STI EXCELSIOR	60 UMS	20/03	QUANZHOU/SPOR E	362.5K	CLEARLAK E
MAERSK PENGUIN	80 GO	28/03	AG/EAFR	W129.5	ENOC
KING DOUGLAS	60 UMS	15/03	DALIAN/SPORE	420K	TRAFIGURA
FRONT POLARIS	80 UMS	15/03	ARA/AG-SPORE	1.15/1.45M	BP

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU MR:

Phân khúc tàu MR phía đông Suez: Sau một khoảng thời gian trầm lắng, thị trường tàu MR đã có một sự phục hồi nhất định, cước trung bình tăng từ mức WS 122.5 lên WS 135. Bên cạnh đó, cước tại khu vực Far East cũng có nhiều cải thiện, cụ thể như cước trên tuyến S.Korea đi Japan tăng từ USD 300,000 lên mức USD 365,000 và cước trên tuyến Singapore/Japan cũng đã tăng 5 điểm lên mức WS 140.

Phân khúc tàu MR phía tây Suez: Cước từ khu vực Continent đi States đã giảm 15 điểm trong tuần vừa qua. Trong khi đó, cước trên tuyến ngược lại từ khu vực USG đã tăng 10 điểm, lên mức WS 120.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

US\$ Lumpsum

Voyages	Size	RATE			
		13 Mar	12 Mar	11 Mar	10 Mar
SKO/JPN	MR	370	370	360	350
SKO/HK	MR	400	400	400	390
SKO/SING	MR	440	440	430	425
SING/HK	MR	330	330	330	330

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2018	Low 2018
1 year	MR	13,750	13,750	14,000	13,750

- Một số giao dịch trên thị trường:

Vessel	Cargoes	Laycan	Routes	Rate	CHRTS
ARDMORE EXPLORER	35 CPP	16/03	QINZHOU/SPORE	360K	P.CHINA
CHANG JING	35 CPP	15/03	DONGGUAN/SPORE	305K	PTT
UACC IBN AL ATHEER	35 ULSD	16/03	AG/GIZAN-EAFR	525K/W1 82.5	TRAFIGURA
ETC MEFERTARI	35 CPP	16/03	SITRA/UAE-OPTS	215K	BP
BRIGHT FORTUNE	35 JET	17/03	JUBAIL/UAE-GIZAN	220/550K	ATC

3. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt ldt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	450		470	▲ 10
2	Pakistan	450		410	
3	India	440		450	
4	Turkey	280		290	
5	China	210		230	

(đơn vị tính : usd/lt ldt)
(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 10/2018

Tên tàu	Loại tàu	Năm Đóng	Trọng tải (dwt)	Nước phá dỡ	Giá (US\$/t ldt)	Lt LDT
Hyundai Sun	VLCC	1998	301,178	Bangladesh	400	41,820
New Friendship	VLCC	1999	279,999	Bangladesh	450	38,698
New Kassos	VLCC	2000	281,050	Bangladesh	450	38,531
Pacific Merchant	Tanker	1998	105,405	Bangladesh	490	16,447
Shinyo Kannika	VLCC	2001	287,175	Bangladesh	450	38,141
Silver Soul	PCC	1998	12,763	Bangladesh	475	12,360
BW Havis	LPG	1993	44,995	India	460	16,076
Vrinda	Bulker	1997	69,221	Pakistan	450	10,099
Greek Warrior	Tanker	2000	299,999	AG	444	38,968
Guofeng First	Bulk	1996	211,320	Undisclosed	465.25	25,451
BW Havis	Gas	1993	44,995	Undisclosed	475	15,955
Silver Soul	Roro	1988	12,763	Alang	470	12,360

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIỀN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS

MUA – BÁN TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

THUÊ TÀU

Email: chartering@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.